

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẾN CÁT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 145/2024/DS-ST.

Ngày: 06/9/2024.

V/v tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Xuân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Nguyễn Kim Lý

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương:* tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2024/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2024/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1); địa chỉ: Số B, đường N, Phường H, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Dương Hiếu T – Chức vụ: Phó Phòng G – S1 Chi nhánh B – vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm: 2003; đăng ký thường trú: Đường N, tổ D, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện đề ngày 23/5/2024 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp là ông Dương Hiếu T trình bày:

Ngày 20/10/2023, bà Nguyễn Thị Cẩm L có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là S1) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà L, S1 đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà L đã thực hiện các giao dịch và các khoản phải thanh toán với tổng số tiền là 83.173.772 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, bà L đã thanh toán cho S1 số tiền 20.849.450 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tháng 05/2024, S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 23/05/2024, bà L còn nợ các khoản sau:

- Nợ gốc: 56.823.918 đồng;
  - Lãi quá hạn: 5.500.404 đồng
- Tổng cộng: 62.324.322 đồng

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Cẩm L phải trả tổng số tiền gốc, lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (06/9/2024) là 69.869.748 đồng và lãi phát sinh từ ngày 07/9/2024 cho đến khi thanh toán hết nợ cho S1 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

2. Bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L biết về việc thụ lý, giải quyết vụ án và triệu tập bà L đến Tòa án tham gia tố tụng. Tuy nhiên, bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

### 3. Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát có ý kiến:

- Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện nghĩa vụ phải có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về nội dung:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Cẩm L chưa thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ gốc 56.823.918 đồng và tiền lãi phát sinh, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền này.

Các yêu cầu khác của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Xét việc triệu tập bà L tham gia phiên tòa của Tòa án là hợp lệ. Việc vắng mặt của bà L không vì lý do bất khả kháng và không gây trở ngại cho việc xét xử. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm L thanh toán số tiền nợ gốc là 56.823.918 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

Bị đơn Nguyễn Thị Cẩm L không có yêu cầu phản tố, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ về vụ việc cho Tòa án.

[3] Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì thấy:

[3.1] Về nợ gốc:

Giữa S1 và bà L có ký kết, thực hiện hợp đồng thẻ tín dụng tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng, hạn mức tín dụng là 50.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Hợp đồng tín dụng sử dụng thẻ tín dụng giữa S1 và bà L có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 401, Điều 402 và Điều 405 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch, là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Căn cứ vào Bản tóm tắt sao kê của bà Nguyễn Thị Cẩm L, số căn cước công dân 038303000969, số thẻ 436438-6719 do S1 cung cấp thì bà L kích hoạt thẻ và bắt đầu sử dụng thẻ từ ngày 05/11/2023 đến ngày 05/12/2023 và có thanh toán cho S1 02 lần. Trong thời gian sử dụng thẻ bà L thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 69.890.000 đồng và đã thanh toán cho S1 tổng số tiền là 20.849.450 đồng (thanh toán 20.500.000 đồng, hoàn tiền giao dịch tháng 01/2024: 246.700 đồng, hoàn tiền giao dịch tháng 02/2024: 102.750 đồng). Kể từ tháng 01/2024 đến nay bà L không trả cho S1 thêm bất kỳ khoản tiền nào. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tháng 05/2024 S1 đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Hiện số tiền nợ gốc bà L

còn nợ **S1** là 56.823.918 đồng (bao gồm số tiền đã giao dịch, phí trễ hạn, lãi trong hạn, phí vượt hạn mức, phí thường niên).

Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn.

Điều 5 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng quy định: Chủ thẻ có trách nhiệm đối với việc thanh toán tất cả giao dịch và tất cả các khoản phí, chi phí phát sinh.

Khoản 1, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: Tổ chức tín dụng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng.

Xét bị đơn bà **Nguyễn Thị Cẩm L** đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được **S1** thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không thanh toán là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết giữa hai bên. Căn cứ thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ nợ còn thiếu sang nợ quá hạn, **S1** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **L** phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 56.823.918 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về tiền lãi phát sinh:

**S1** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Cẩm L** trả tiền lãi quá hạn (tạm tính đến ngày 06/9/2024) là: 13.045.830 đồng và buộc bà **L** phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho **S1**.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho **S1**, bà **L** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và **S1** đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bà **L** sang nợ quá hạn kể từ ngày 23/5/2024 là phù hợp.

Xét thấy, tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng đã ký kết giữa hai bên có thỏa thuận về lãi suất, lãi quá hạn. Đến nay đã quá thời hạn thanh toán nên **S1** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà **L** phải trả lãi quá hạn và phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho **S1** là phù hợp với các điều khoản thỏa thuận giữa hai bên và quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3.3] Từ các tình tiết trên, có cơ sở xác định đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 06/9/2024), bà **Nguyễn Thị Cẩm L** còn nợ **S1** các khoản sau:

- Nợ gốc: 56.823.918 đồng;

- Lãi quá hạn: 13.045.830 đồng;

Tổng cộng: 69.869.748 đồng.

Xét, cần buộc bà **L** thanh toán các khoản tiền trên cho **S1**.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn đối với bị đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 401, Điều 402, Điều 405 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 147, Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** đối với bị đơn bà **Nguyễn Thị Cẩm L** về việc: “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

Buộc bà **Nguyễn Thị Cẩm L** có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** các khoản tiền:

- Nợ gốc: 56.823.918 đồng;
- Lãi quá hạn: 13.045.830 đồng;

Tổng cộng: 69.869.748 đồng (sáu mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm bốn mươi tám đồng).

Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng ký giữa **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S – Phòng G - Chi nhánh B** với bà **Nguyễn Thị Cẩm L**.

Kể từ ngày 07/9/2024 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ, bà **Nguyễn Thị Cẩm L** còn phải trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** tiền lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 2963598, ngày 20/10/2023 và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị Cẩm L** phải chịu số tiền 3.493.487 đồng (ba triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm tám mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S** 1.558.108 đồng (một triệu,

năm trăm năm mươi tám nghìn, một trăm lẻ tám đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền số 0003305 ngày 05/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

**3. Về quyền kháng cáo:**

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

**4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:**

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số Số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự (hợp nhất số: 32/VBHN-VPQH ngày 07/12/2020)/.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thắm**

**Nguyễn Kim Lý**

**Phạm Thị Xuân**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THADS thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Xuân**